

**THÔNG BÁO**  
**Tuyển sinh cao học đợt 2 năm 2017 - Khóa 36**

Căn cứ Công văn số 3392/BGDĐT-GDDH ngày 03/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc phối hợp đào tạo trình độ thạc sĩ, Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ cho Trường Đại học Sư phạm, ĐHĐN theo chương trình định hướng thạc sĩ ứng dụng tại Trường Đại học Quảng Bình (sau đây gọi là cơ sở liên kết) với các nội dung như sau:

**1. Các ngành tuyển sinh**

STT	Mã số	Ngành/ Cơ sở đào tạo	Chỉ tiêu
	<b>DDS</b>	<b>Trường Đại học Sư phạm</b>	
1	60140114	Quản lý giáo dục	30
2	60220240	Ngôn ngữ học	30
3	60460113	Phương pháp toán sơ cấp	30

**2. Thời gian và địa điểm đào tạo**

- Thời gian đào tạo: từ 1,5 năm đến 02 năm.
- Chương trình đào tạo được phối hợp tổ chức tại cơ sở đào tạo và cơ sở liên kết theo công văn số 1761/BGDĐT-GDDH ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện khoản 2, điều 23 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

**3. Điều kiện dự tuyển**

**3.1. Về văn bằng**

- Người tham gia dự thi thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
- a) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định hiện hành;
  - b) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi nhưng đã tốt nghiệp nhiều năm tính đến thời điểm dự thi hoặc có bằng do cơ sở đào tạo khác cấp, đã học bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo;
  - c) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo;
  - d) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học loại Trung bình được đăng ký dự thi vào ngành đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng đúng hoặc gần với ngành tốt nghiệp đại học sau khi học bổ sung kiến thức theo quy định;
  - đ) Có bằng tốt nghiệp đại học các hệ không chính quy khác, loại Trung bình khá trở lên hoặc tương đương, hoặc loại Trung bình có thêm 1 bằng đại học khác được dự thi vào ngành đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng đúng hoặc gần với ngành tốt nghiệp đại học sau khi học bổ sung kiến thức theo quy định;
  - e) Có bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, đã thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành và đã học bổ sung các học phần theo quy định (nếu có).

**3.2. Về kết quả học bổ sung kiến thức**

Đối với các thí sinh cần học các học phần bổ sung, thí sinh phải đăng ký học tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên của ĐHĐN và có bảng điểm môn học trước khi dự thi.

**3.3. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn**

- a) Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành cao học; người có bằng gần với ngành đăng ký đã học bổ sung kiến thức theo quy định được đăng ký dự thi không yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn.

b) Đối với ngành “*Quản lý Giáo dục*”:

- *Định hướng hướng nghiên cứu*

+ Người tốt nghiệp ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần tốt nghiệp loại khá trở lên được dự thi ngay;

+ Các trường hợp còn lại: có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giáo dục (kể cả người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên), tại một trong các vị trí công tác sau: Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, cán bộ dự nguồn ở các trường mầm non trở lên; Trưởng khoa, phó Trưởng khoa, tổ trưởng, tổ phó các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp; Chuyên viên các phòng/ban của các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp; Lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của tổ chức chính trị, CT-XH, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT.

- *Định hướng ứng dụng*

+ Người tốt nghiệp ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần được dự thi ngay, không yêu cầu về thâm niên công tác;

+ Các trường hợp còn lại: có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giáo dục (kể cả người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên), tại một trong các vị trí công tác sau: Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, cán bộ dự nguồn ở các trường mầm non trở lên; Trưởng khoa, phó Trưởng khoa, tổ trưởng, tổ phó các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp; Chuyên viên các phòng/ban của các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp; Lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của tổ chức chính trị, CT-XH, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT.

#### **4. Các môn thi tuyển**

Thí sinh dự thi 03 môn: gồm môn Ngoại ngữ, môn Chủ chốt và môn Cơ sở ngành.

a) Môn thi thứ 1 (Ngoại ngữ): Thí sinh được chọn một trong các ngoại ngữ sau: Tiếng Anh; tiếng Nga; tiếng Pháp; tiếng Trung.

b) Môn thi thứ 2 (Chủ chốt): là môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành đào tạo, được xác định theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ;

c) Môn thi thứ 3 (Cơ sở ngành): là môn thi có thể kiểm tra kiến thức một môn học hoặc tích hợp kiểm tra kiến thức một số môn học của trình độ đại học.

#### **5. Miễn thi ngoại ngữ**

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của ĐHQĐN thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một Trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trong các Trung tâm ngoại ngữ được Bộ GD&ĐT công nhận.

#### **6. Đối tượng và chính sách ưu tiên**

##### **6.1. Đối tượng ưu tiên**

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học;

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a.

## **6.2. Mức ưu tiên**

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định của Quy chế này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi hoặc kiểm tra quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.

## **6.3. Các loại giấy tờ cần nộp để hưởng chính sách ưu tiên**

- Hợp đồng lao động (có công chứng), quyết định tiếp nhận hoặc điều động công tác có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và xác nhận của xã, phường về việc cơ quan đó nằm trong khu vực được ưu tiên (đối tượng a);

- Bản sao thẻ thương binh/bệnh binh (có công chứng), các loại giấy tờ xác nhận có liên quan (đối tượng b,c,d,đ);

- Bản sao CMND, giấy khai sinh hoặc hộ khẩu và xác nhận của địa phương nơi cư trú (đối tượng e).

## **7. Đăng ký dự thi, lệ phí dự thi**

### **7.1. Đăng ký dự thi**

- Thí sinh đăng ký dự thi trực tuyến trên trang Tuyển sinh của ĐHQĐN tại địa chỉ: <http://www.ts.udn.vn/>, mục “Đăng ký trực tuyến”;

- Sau khi đăng ký trực tuyến thí sinh nộp các giấy tờ bổ sung tại Trường Đại học Quảng Bình;

- Thời hạn đăng ký dự thi: từ ngày ra thông báo đến hết ngày **27/10/2017**.

### **7.2. Lệ phí dự thi**

- Lệ phí dự thi bao gồm:

+ Đăng ký dự thi: 100.000 đồng/thí sinh/hồ sơ;

+ Dự thi: 650.000 đồng/ thí sinh.

(Lệ phí dự thi đối với thí sinh được miễn thi môn Ngoại ngữ: 450.000 đồng/thí sinh).

+ Kinh phí phát sinh do tổ chức kỳ thi tại cơ sở liên kết.

- Thí sinh nộp lệ phí tại Trường Đại học Quảng Bình.

Trường Đại học Quảng Bình chuyển toàn bộ giấy tờ bổ sung và lệ phí dự thi của thí sinh về ĐHQĐN trước ngày **30/10/2017**.

## **8. Kế hoạch ôn thi**

Thí sinh đăng ký trực tiếp tại Trường Đại học Quảng Bình. Trường Đại học Quảng Bình phối hợp với Ban Đào tạo ĐHQĐN để tổ chức các lớp ôn thi. Số điện thoại liên hệ 0236 3832552.

## **9. Kế hoạch học bổ sung**

- Thí sinh đăng ký trực tiếp tại Trường Đại học Quảng Bình.

- Trường Đại học Quảng Bình phối hợp với Trường Đại học Sư phạm qua Phòng Đào tạo, số điện thoại 0236 3733295, để tổ chức các lớp học bổ sung kiến thức và hoàn thành trước khi thí sinh dự thi.

## **10. Thời gian thi tuyển**

Thi tuyển: Dự kiến tổ chức thi vào các ngày: **11 và 12/11/2017**.

## **11. Địa chỉ liên hệ**

Trường Đại học Quảng Bình.

Địa chỉ: Số 312 đường Lý Thường Kiệt, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Số điện thoại: (0232) 3819333.

Danh mục các môn thi cho từng chuyên ngành; danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi; các môn học bổ sung kiến thức cho các ngành đúng hoặc phù hợp; ngành gần, bảng tham chiếu quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ dành cho trình độ thạc sĩ xem trên Website: <http://www.ts.udn.vn> hoặc <http://www.udn.vn/bandaotao/>.

***Nơi nhận:***

- Vụ GDĐH, Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Các cơ sở đào tạo SĐH, Viện nghiên cứu;
- Các Sở GD&ĐT;
- Trường ĐH Sư phạm;
- Trường ĐH Quảng Bình;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**PGS.TS. Đoàn Quang Vinh**

## PHỤ LỤC

### BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHĐN ngày tháng 10 năm 2017 của Đại học Đà Nẵng)

#### Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

#### Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
3/6 (Khung VN)	TRKI 1	DELTA B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

**Ghi chú:** Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.